

Số: /ĐA-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

ĐỀ ÁN

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 127-KL/TW, ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Lai Châu năm 2025 như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH LAI CHÂU NĂM 2025**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Căn cứ Thông báo số 1217-TB/TU ngày 18/4/2025 Hội nghị chuyên đề Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ TỈNH LAI CHÂU

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trong giai đoạn 2019-2021, cả nước nói chung, tỉnh Lai Châu nói riêng đã tiến hành rà soát, sắp xếp một số ĐVHC cấp xã không đủ 50% tiêu chuẩn cả về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; giai đoạn 2023-2025 đã tiến hành sắp xếp các đơn vị hành chính không đạt 70% cả 02 tiêu chuẩn, ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20%, quy mô dân số dưới 300%. Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã đã tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung mở rộng sản xuất, phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải, nhất là đối với sự nghiệp giáo dục, y tế. Đồng thời, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế; tiết kiệm chi cho ngân sách, góp phần vào cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của các giai đoạn trước, tiếp tục tiến tới hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết số 18-NQ/TW đến năm 2030 là *“Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định”*; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã chỉ đạo: *“Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ đơn vị hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới...”*.

Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tiêu chí ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: *Xã miền núi, vùng cao hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên đạt từ 200% trở lên và quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Phường hình thành sau sắp xếp có*

diện tích tự nhiên đạt từ 5,5 km² trở lên; đối với phường thuộc thành phố trực thuộc trung ương có quy mô dân số đạt từ 45.000 người trở lên; phường thuộc tỉnh hình thành sau sắp xếp ở khu vực miền núi, vùng cao, biên giới có quy mô dân số đạt từ 15.000 người trở lên; các phường còn lại có quy mô dân số đạt từ 21.000 người trở lên.

Do vậy, nhằm cụ thể hóa Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã; việc xây dựng Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025 không đảm bảo các tiêu chí của ĐVHC mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu nhằm tổ chức hợp lý các ĐVHC là phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển; đảm bảo hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tăng quy mô ĐVHC, tập trung nguồn lực đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội và đảm bảo theo tinh thần chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC TỈNH LAI CHÂU

1. Tỉnh Lai Châu:

1.1. Diện tích tự nhiên (km²): 9.068,73 km².

1.2. Quy mô dân số (người): 512.601 người.

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện: Tỉnh Lai Châu có 08 ĐVHC cấp huyện, gồm 07 huyện, 01 thành phố.

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã: Tỉnh Lai Châu có 106 ĐVHC cấp xã, bao gồm 94 xã, 05 phường, 07 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp

Từ thực trạng ĐVHC đối chiếu với tiêu chí sắp xếp ĐVHC tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15, tỉnh Lai Châu có 104 ĐVHC cấp xã (bao gồm 92 xã, 05 phường, 07 thị trấn) thực hiện sắp xếp. Trong đó:

2.1. ĐVHC không đảm bảo cả 02 tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số

Có 53 ĐVHC không đảm bảo cả 02 tiêu chí về diện tích tự nhiên, quy mô dân số thuộc diện phải sắp xếp, bao gồm:

a) Huyện Than Uyên: 05 xã, gồm: Hua Nà, Mường Mít, Tà Mung, Mường Cang, Tà Hừa.

b) Huyện Tân Uyên: 03 xã, gồm: Phúc Khoa, Hồ Mít, Thân Thuộc.

c) Huyện Tam Đường: 08 xã, gồm: Nà Tăm, Hồ Thầu, Giang Ma, Tả Lèng, Nùng Nàng, Bản Hon, Bản Giang, Thèn Sin.

d) Thành phố Lai Châu: 07 phường, xã gồm: San Thàng, Sùng Phài, Đông Phong, Tân Phong, Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng.

đ) Huyện Phong Thổ: 09 xã, gồm: Ma Li Pho, Khổng Lào, Lản Nhì Thàng, Hoang Thèn, Mù Sang, Tung Qua Lìn, Pa Vây Sừ, Mồ Sỉ san, Vàng Ma Chải.

e) Huyện Sìn Hồ: 13 xã, gồm: Phăng Sô Lin, Tả Phìn, Sà Dề Phìn, Chăn Nưa, Phìn Hồ, Ma Quai, Lùng Thàng, Pu Sam Cáp, Nậm Cha, Pa Khóa, Nậm Mạ, Cấn Co, thị trấn Sìn Hồ.

g) Huyện Nậm Nhùn: 05 xã, thị trấn gồm: Pú Dao, Lê Lợi, Nậm Pì, Trung Chải, thị trấn Nậm Nhùn.

h) Huyện Mường Tè: 03 xã, thị trấn gồm: Vàng San, Bum Nưa, thị trấn Mường Tè.

2.2. ĐVHC không đảm bảo tiêu chí diện tích tự nhiên

Có 22 ĐVHC cấp xã không đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên, thuộc diện sắp xếp ĐVHC gồm:

a) Huyện Than Uyên: 05 xã, thị trấn gồm: Mường Than, Phúc Than, Mường Kim, Ta Gia, thị trấn Than Uyên.

b) Huyện Tân Uyên: 04 xã, thị trấn gồm: Mường Khoa, Trung Đồng, Pắc Ta, thị trấn Tân Uyên.

c) Huyện Tam Đường: 04 xã, thị trấn gồm: Bình Lư, Bản Bo, Khun Há, thị trấn Tam Đường.

d) Huyện Phong Thổ: 04 xã, thị trấn gồm: Mường So, Dào San, Sỉ Lở Lầu, thị trấn Phong Thổ.

đ) Huyện Sìn Hồ: 05 xã gồm: Tả Ngảo, Hồng Thu, Nậm Hăn, Nậm Cuối, Noong Hẻo.

2.3. ĐVHC không đảm bảo tiêu chí quy mô dân số

Có 21 ĐVHC cấp xã không đảm bảo tiêu chí về quy mô dân số thuộc diện sắp xếp ĐVHC gồm:

a) Huyện Than Uyên: 01 xã gồm: Pha Mu.

b) Huyện Tân Uyên: 02 xã gồm: Nậm Cắn, Tà Mít.

c) Huyện Sìn Hồ: 03 xã gồm: Làng Mô, Pa Tần, Nậm Tăm.

d) Huyện Nậm Nhùn: 06 xã gồm: Nậm Hàng, Nậm Manh, Mường Mô, Nậm Chà, Hua Bum, Nậm Ban.

đ) Huyện Mường Tè: 09 xã gồm: Can Hồ, Bum Tở, Pa Vệ Sủ, Ka Lăng, Thu Lũm, Pa Ủ, Tá Bạ, Nậm Khao, Mường Tè.

2.4. ĐVHC đảm bảo cả 02 tiêu chí nhưng thực hiện sắp xếp để mở rộng không gian phát triển

Có 08 ĐVHC đảm bảo cả 02 tiêu chí nhưng thực hiện sắp xếp để mở rộng không gian phát triển, bao gồm: xã Khoen On của huyện Than Uyên; xã Nậm Sỏ của huyện Tân Uyên; xã Sơn Bình của huyện Tam Đường; các xã: Huổi Luông, Bản Lang, Nậm Xe, Sìn Suối Hồ của huyện Phong Thổ; xã Tủa Sín Chải của huyện Sìn Hồ.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp

Tổng số: 02 ĐVHC. Trong đó:

3.1. ĐVHC đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp

Có 01 ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn của ĐVHC mới, không thực hiện sắp xếp là: xã Tà Tổng của huyện Mường Tè.

3.2. ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù

a) Số lượng: 01 ĐVHC là xã Mù Cả, huyện Mường Tè.

b) Giải trình yếu tố đặc thù

Xã Mù Cả có dân số 3.299 người (đạt 65,98% tiêu chuẩn) không đạt tiêu chuẩn theo quy định. Tuy nhiên, xã có địa bàn rộng (diện tích tự nhiên 384,04 km², đạt 384,04% tiêu chuẩn của ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp), dân cư 95,8% là người đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là người Hà Nhì sinh sống rải rác, không tập trung trên địa bàn xã. Có đường biên giới dài 5,663 km giáp với Trung Quốc, lại gần ngã ba biên giới Lào - Việt Nam - Trung Quốc, địa hình núi cao hiểm trở, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định an ninh, chính trị. Xã Mù Cả có vị trí biệt lập với các ĐVHC cùng cấp trên địa bàn: Phía Bắc ngăn cách với xã Ka Lăng bởi các dãy núi cao và sông Đà (đây cũng là đường địa giới hành chính của hai xã), không có đường giao thông đi lại được, mặt khác xã Ka Lăng đã có phương án sáp nhập với xã Thu Lũm; phía Đông Nam ngăn cách với xã Tà Tổng bởi các dãy núi cao, xã Tà Tổng có diện tích rất lớn (512,01km²) và đáp ứng đủ tiêu chuẩn ĐVHC mới; phía Đông ngăn cách với xã Mường Tè bởi sông Đà, giữa hai xã được kết nối bằng đường độc đạo duy nhất là Quốc lộ 4H đi qua cầu Pắc Ma bắc ngang sông Đà nối huyện Mường Tè - Lai Châu với huyện Mường Nhé - Điện Biên. Tuy nhiên, khoảng cách giữa hai xã xa, từ trung tâm xã Mù Cả đến trung tâm xã Mường Tè khoảng 35 km, bản xa nhất (bản Phìn Khò) cách trung tâm xã Mường Tè hơn 80 km; phía Nam giáp xã Leng Su Sìn, xã Sen

Thượng của huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên là nơi thường xuyên bị các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo để lôi kéo, kích động người dân, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, dụ dỗ người dân tham gia “Nhà nước Mông”, do vậy xã Mù Cả luôn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định về an ninh, chính trị. Việc sáp nhập hai xã sẽ khó khăn công tác quản lý, nắm địa bàn, nhất là trong công tác quản lý, tuần tra biên giới, việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với các cộng đồng dân cư cũng như việc đi lại, giao thương, thực hiện các thủ tục hành chính của người dân. Mặt khác, xã Mường Tè đã được xây dựng phương án sắp xếp với xã Nậm Khao (xã sau sắp xếp đạt 292% tiêu chuẩn) nên không thể sáp nhập thêm.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

CỦA TỈNH LAI CHÂU NĂM 2025

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Huyện Than Uyên

1.1. Thành lập xã Mường Kim trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Kim, Tà Mung, Tà Hù, Pha Mu

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Mường Kim có: Diện tích tự nhiên 316,32 km² (đạt 316,3% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 20.385 người (đạt 407,7% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Yên Bái; phía Tây giáp tỉnh Sơn La; Phía Nam giáp xã Khoen On; phía Bắc giáp xã Than Uyên và xã Nậm Sỏ của huyện Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Mường Kim hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Mường Kim, Tà Mung, Tà Hù, Pha Mu có vị trí tiếp giáp nhau được kết nối bằng đường Quốc lộ 279 và đường liên xã với trung tâm là xã Mường Kim, thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu, trao đổi của Nhân dân. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Thái và một phần dân tộc Mông cùng sinh sống, thường xuyên có sự giao lưu, buôn bán hàng hóa nên có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Mường Kim nằm ở vị trí ngã ba các đường Quốc lộ 32 và 279, 279D kết nối tỉnh Lai Châu với các tỉnh Sơn La, Yên Bái thuận lợi cho việc giao thương, đi lại của người dân. Mặt khác, khu vực

trung tâm xã khá bằng phẳng, có khả năng mở rộng không gian phát triển. Việc đặt trụ sở tại xã Mường Kim sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính; đồng thời giúp tập trung nguồn lực đầu tư, tạo đà phát triển kinh tế - xã hội cho các xã trên địa bàn.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Xã Mường Kim là địa danh có từ lâu đời, là nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Ban Cán sự tỉnh Lai Châu (là tiền thân của Đảng bộ tỉnh Lai Châu sau này). Trước năm 2006, hai xã Tà Mung và Mường Kim đều thuộc xã Mường Kim¹. Việc lấy tên xã Mường Kim là phù hợp với lịch sử hình thành và phát triển của ĐVHC xã.

1.2. Thành lập xã Khoen On trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ta Gia, Khoen On

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Khoen On có: Diện tích tự nhiên 189,78 km² (đạt 189,8% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 10.677 người (đạt 213,5% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Mường Kim (xã dự kiến sau sắp xếp) và tỉnh Yên Bái; phía Tây và phía Nam giáp tỉnh Sơn La; phía Bắc giáp xã Mường Kim (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Ta Gia hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các xã Ta Gia, Khoen On tiếp giáp nhau cùng nằm trên trục đường Quốc lộ 279D kết nối giữa huyện Than Uyên với huyện Mường La của tỉnh Sơn La hình thành tuyến giao thương giữa hai tỉnh; tương đồng về địa hình, cùng thuộc vùng ngập lòng hồ thủy điện Huội Quảng. Việc sắp xếp hai xã để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Xã Ta Gia có vùng ngập lòng hồ thủy điện rộng lớn cùng với các dãy núi đá vôi tạo nên cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái sông nước. Việc đặt trụ sở tại xã Ta Gia sẽ thuận lợi cho đi lại, giao dịch của người dân, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Xã Khoen On gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Than Uyên (từ năm 1962 sau khi giải thể Khu tự trị Thái Mèo); việc đặt tên Khoen On cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải thay đổi của người dân.

¹ Năm 2006, Chính phủ ban hành Nghị định số 156/2006/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, huyện; thành lập xã thuộc các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Sìn Hồ, Than Uyên, tỉnh Lai Châu, trong đó thành lập xã Tà Mung trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Mường Kim.

1.3. Thành lập xã Than Uyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Than, Hua Nà, Mường Cang, thị trấn Than Uyên

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Than Uyên có: Diện tích tự nhiên 132,09 km² (đạt 132,1% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 27.283 người (đạt 545,7% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Lào Cai và Yên Bái; phía Tây giáp xã Mường Kim (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Mường Kim (xã dự kiến sau sắp xếp) và tỉnh Yên Bái; phía Bắc giáp xã Mường Than (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở huyện Than Uyên hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Mường Than, Hua Nà, Mường Cang và thị trấn Than Uyên là các đơn vị hành chính liền kề có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC. Giữa các xã có sự liên kết giao thông bằng đường Quốc lộ 32 và đường liên xã với trung tâm là thị trấn Than Uyên. Hiện nay, tỉnh đã quy hoạch phát triển đô thị của thị trấn Than Uyên và vùng phụ cận sang các xã. Việc sắp xếp các xã, thị trấn để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Thị trấn Than Uyên là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện, là nơi tập trung các đơn vị của huyện, nơi giao lưu buôn bán, kết nối văn hóa của các dân tộc trong huyện. Việc đặt trụ sở tại trung tâm thị trấn (trụ sở huyện hiện nay) sẽ thuận lợi cho người dân trong việc giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời còn tạo đà phát triển kinh tế cho xã sau sắp xếp.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Thị trấn Than Uyên là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện Than Uyên. Thực hiện chủ trương bỏ ĐVHC cấp huyện, tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ quý III năm 2025, việc đặt tên xã là Than Uyên để ghi nhớ tên gọi của thị trấn Than Uyên và huyện Than Uyên.

1.4. Thành lập xã Mường Than trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phúc Than, Mường Mít

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Mường Than có: Diện tích tự nhiên 154,08 km² (đạt 154,1% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 13.925 người (đạt 278,5% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông tỉnh Lào Cai; phía Tây giáp xã Nậm Sỏ của huyện Tân Uyên; phía Nam giáp xã Than Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Pắc Ta của huyện Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Phúc Than hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Phúc Than, Mường Mít có vị trí tiếp giáp nhau được kết nối bằng đường đường liên xã, khoảng cách hai xã gần thuận lợi cho việc đi lại của Nhân dân. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Thái, một bộ phận dân tộc Mông cùng sinh sống, có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Phúc Than nằm trên trục đường Quốc lộ 279, khu vực trung tâm xã có địa hình tương đối bằng phẳng, có khả năng mở rộng không gian phát triển. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Phúc Than hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, thực hiện giao dịch của người dân, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Xã Phúc Than được chia tách từ xã Mường Than theo Nghị định số 156/2006/NĐ-CP ngày 27/12/2006 của Chính phủ; tên gọi Mường Than đã gắn liền với địa danh cánh đồng Mường Than, là biểu tượng về văn hóa nông nghiệp của khu vực Tây Bắc với câu “Nhất Thanh, Nhì Lò, Tam Than, Tứ Tác”; hiện nay cánh đồng Mường Than nằm trên hai xã Mường Than và Phúc Than. Việc đặt tên xã Mường Than là để ghi lại tên gọi của địa danh lịch sử của tỉnh Lai Châu.

2. Huyện Tân Uyên

2.1. Thành lập xã Pắc Ta trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pắc Ta, Hố Mít

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Pắc Ta có: Diện tích tự nhiên 168,58 km² (đạt 168,6% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 10.704 người (đạt 214,1% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã tỉnh Lào Cai; phía Tây giáp xã Nậm Sỏ và xã Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp); Phía Nam giáp xã Mường Than của huyện Than Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Pắc Ta hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Pắc Ta, Hố Mít của huyện Tân Uyên là các xã giáp ranh được kết nối bằng đường liên xã. Dân cư chủ yếu là người dân

tộc Thái, Mông và một phần dân tộc Dao, Kinh cùng sinh sống, thường xuyên có sự giao lưu, buôn bán hàng hóa nên có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Pắc Ta nằm ở vị trí thuận lợi, có đường Quốc lộ 32 và đường tỉnh lộ 134 chạy qua, có chợ buôn bán khá phát triển; xã có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi cho phát triển trồng rừng và nông nghiệp. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Pắc Ta hiện nay sẽ thuận lợi cho đi lại, giao dịch của người dân tạo điều kiện tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi Pắc Ta là địa danh có từ lâu đời gắn với lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Lai Châu (từ khi thành lập tỉnh năm 1909), việc lựa chọn tên gọi Pắc Ta là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của Nhân dân, phù hợp với tên gọi của nơi lựa chọn là trung tâm của ĐVHC xã mới.

2.2. Thành lập xã Nậm Sỏ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Sỏ, Tà Mít

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nậm Sỏ có: Diện tích tự nhiên 263,42 km² (đạt 263,4% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 10.598 người (đạt 212,0% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Nậm Cuối của huyện Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp); Phía Nam giáp tỉnh Sơn La; phía Bắc giáp Mường Khoa (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Nậm Sỏ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Nậm Sỏ, Tà Mít có vị trí tiếp giáp nhau được kết nối bằng đường liên xã. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Thái, một phần dân tộc Mông và một số dân tộc khác cùng sinh sống, thường xuyên có sự giao lưu, buôn bán hàng hóa nên có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Nậm Sỏ có địa bàn rộng, dân số đông, khu vực trung tâm xã tương đối bằng phẳng có tiềm năng mở rộng để phát triển kinh tế - xã hội, khí hậu tương đối mát mẻ phù hợp cho phát triển nông, lâm nghiệp và trồng cây dược liệu; là trung tâm kết nối giữa huyện Tân Uyên và vùng thấp huyện Sìn Hồ. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Nậm Sỏ hiện nay sẽ thuận lợi cho đi lại, giao dịch của người dân, tạo điều kiện tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi Nậm Sỏ đã có từ lâu đời, gắn với lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Lai Châu (từ khi thành lập tỉnh Lai Châu năm 1909). Việc lựa chọn tên gọi Nậm Sỏ là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của Nhân dân, phù hợp với tên gọi của nơi lựa chọn là trung tâm của ĐVHC xã mới.

2.3. Thành lập xã Tân Uyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Trung Đồng, Thân Thuộc, Nậm Cắn và thị trấn Tân Uyên

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tân Uyên có: Diện tích tự nhiên 296,25 km² (đạt 296,3% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 30.415 người (đạt 608,3% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Lào Cai; phía Tây giáp xã Nậm Sỏ (xã dự kiến sau sắp xếp); Phía Nam giáp Pắc Ta, xã Nậm Sỏ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp Mường Khoa (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở huyện Tân Uyên hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các xã Trung Đồng, Thân Thuộc, Nậm Cắn và thị trấn Tân Uyên có vị trí tiếp giáp nhau được kết nối bằng đường Quốc lộ 32 và đường tỉnh lộ 133 thuận lợi cho việc đi lại, giải quyết các thủ tục hành chính của Nhân dân. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Thái, Kinh, một phần dân tộc Mông và một số dân tộc khác cùng sinh sống, có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã, thị trấn sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Thị trấn Tân Uyên là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện, là nơi tập trung các đơn vị của huyện, nơi giao lưu buôn bán, kết nối văn hóa của các dân tộc trong huyện. Việc đặt trụ sở tại trung tâm thị trấn (trụ sở huyện hiện nay) sẽ thuận lợi cho người dân trong việc giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời còn tạo đà phát triển kinh tế cho xã sau sắp xếp.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Thị trấn Tân Uyên là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện Tân Uyên. Thực hiện chủ trương bỏ ĐVHC cấp huyện, tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ quý III năm 2025, việc đặt tên xã Tân Uyên là để ghi nhớ tên gọi của thị trấn Tân Uyên và huyện Tân Uyên.

2.4. Thành lập xã Mường Khoa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Khoa, Phúc Khoa

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Mường Khoa có: Diện tích tự nhiên 168,82 km² (đạt 168,8% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 12.529 người (đạt 250,6% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Lào Cai; phía Tây giáp xã Nậm Sỏ (xã dự kiến sau sắp xếp); Phía Nam giáp xã Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Bản Bo, xã Khun Há của huyện Tam Đường (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Mường Khoa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Hai xã Mường Khoa, Phúc Khoa có vị trí tiếp giáp nhau được kết nối bằng đường liên xã; trước đây hai xã thuộc cùng một xã nên có sự tương đồng về văn hóa, phong tục, tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Trung tâm xã Mường Khoa có mặt bằng rộng hơn, có khả năng mở rộng không gian phát triển, dân cư không tập trung, nhiều bản cách xa trung tâm xã Phúc Khoa, đi lại khó khăn hơn khi đi đến trụ sở xã Mường Khoa. Việc đặt trụ sở tại xã Mường Khoa sẽ tạo điều kiện đi lại, thực hiện các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân, thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Hai xã Mường Khoa và Phúc Khoa trước đây thuộc cùng 01 xã Mường Khoa (được chia tách năm 2006 theo Nghị định số 156/2006/NĐ-CP). Việc đặt tên xã Mường Khoa là phù hợp lịch sử hình thành và phát triển của ĐVHC xã, giảm khối lượng giấy tờ phải thay đổi của nhân dân, phù hợp với tên gọi khu vực được lựa chọn làm trung tâm xã.

3. Huyện Tam Đường

3.1. Thành lập xã Bản Bo trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bản Bo, Nà Tăm

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bản Bo có: Diện tích tự nhiên 100,82 km² (đạt 100,8% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 9.496 người (đạt 189,9% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Lào Cai; phía Tây giáp xã Khun Há (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Mường Khoa của huyện Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Bình Lư (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Bản Bo hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Bản Bo, Nà Tăm có vị trí tiếp giáp nhau được kết nối bằng đường đường liên xã (đang xây dựng đường nối cao tốc đi qua hai xã). Dân cư chủ yếu là người dân tộc Lào, Thái và một phần dân tộc khác cùng sinh sống, thường xuyên có sự giao lưu, buôn bán hàng hóa nên có có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Bản Bo nằm trên trục đường Quốc lộ 32, khu vực trung tâm xã có địa hình tương đối bằng phẳng, lại có khu vực cao giáp dãy Hoàng Liên Sơn khí hậu thuận lợi cho phát triển trồng chè ở vùng thấp, trồng rừng và cây dược liệu ở vùng cao; hiện nay xã đã có chợ buôn bán khá phát triển, đồng thời cũng đã đầu tư phát triển mô hình du lịch cộng đồng. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Bản Bo hiện nay sẽ thuận lợi cho đi lại, giao dịch của người dân, tạo điều kiện tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi Bản Bo là địa danh có từ lâu, gắn với lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Lai Châu (thành lập năm 1962 khi đổi tên Khu tự trị Thái Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc). Việc đặt tên xã Bản Bo phù hợp với lịch sử, vừa giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của Nhân dân, phù hợp với tên gọi của nơi lựa chọn là trung tâm của ĐVHC xã mới

3.2. Thành lập xã Bình Lư trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sơn Bình, Bình Lư, thị trấn Tam Đường

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bình Lư có: Diện tích tự nhiên 173,91 km² (đạt 173,9% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 18.806 người (đạt 372,1% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông và phía Bắc giáp tỉnh Lào Cai; phía Tây giáp xã Tả Lèng (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Bản Bo (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở của huyện Tam Đường.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Sơn Bình, Bình Lư và thị trấn Tam Đường là các đơn vị hành chính liền kề có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC, kết nối với nhau bởi Quốc lộ 4D thuận lợi cho đi lại của Nhân dân. Trước khi chia tách vào các năm 2004, 2006, các xã, thị trấn đều thuộc địa giới ĐVHC xã Bình Lư. Việc sắp xếp các xã, thị trấn để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Thị trấn Tam Đường là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện, là nơi tập trung các đơn vị của huyện, nơi giao lưu buôn bán, kết nối văn hóa của các dân tộc trong huyện. Việc đặt trụ sở tại trung tâm thị trấn (trụ sở huyện hiện nay) sẽ thuận lợi cho người dân trong việc giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời còn tạo đà phát triển kinh tế cho xã sau sắp xếp.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Trước khi chia tách để thành lập, xã Sơn Bình, Bình Lư và thị trấn Tam Đường cùng thuộc một xã Bình Lư. Việc lấy tên xã Bình Lư đặt tên cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử hình thành và phát triển của các ĐVHC, giảm khối lượng giấy tờ phải thay đổi của người dân.

3.3. Thành lập xã Tả Lèng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Giang Ma, Tả Lèng, Hồ Thầu

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tả Lèng có: Diện tích tự nhiên 128,36 km² (đạt 128,4% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 12.628 người (đạt 252,6% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Bình Lư (xã dự kiến sau sắp xếp) và tỉnh Lào Cai; phía Tây giáp phường Tân Phong của thành phố Lai Châu (phường dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Khun Há, phường Tân Phong của thành phố Lai Châu (xã, phường dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Sin Suối Hồ của huyện Phong Thổ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Giang Ma hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Tả Lèng, Giang Ma, Hồ Thầu là các đơn vị hành chính liên kề có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC, kết nối với nhau bởi Quốc lộ 4D và đường liên xã. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Mông và Thái. Việc sắp xếp các xã để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Giang Ma có đường Quốc lộ 4D chạy qua thuận lợi cho việc đi lại, thực hiện các giao dịch, thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân. Trung tâm xã rộng, có khả năng mở rộng không gian phát triển. Việc đặt trụ sở tại xã Giang Ma giúp thuận tiện cho người dân trong việc đi lại, tập trung được nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế của các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi Tả Lèng là địa danh từ lâu đời, gắn với lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Lai Châu (thành lập năm 1962 cùng với xã Thèn Sin khi đổi tên Khu tự trị Thái Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc). Việc

đặt tên xã Tả Lèng là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi cho Nhân dân, vừa gần với tên gọi của các địa điểm du lịch chè cổ thụ, hoa Đỗ Quyên (dãy Tả Liên Sơn, đỉnh Pu Ta Leng) của tỉnh Lai Châu.

3.4. Thành lập xã Khun Há trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bản Hòn, Khun Há

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Khun Há có: Diện tích tự nhiên 149,35 km² (đạt 149,4% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 9.148 người (đạt 183,0% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Bình Lư, xã Bản Bo (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Pu Sam Cáp của huyện Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Mường Khoa của huyện Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Tả Lèng, phường Tân Phong của thành phố Lai Châu (xã, phường mới sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Khun Há hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Bản Hòn, Khun Há là các đơn vị hành chính liên kề có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC, kết nối với nhau bởi đường liên huyện, liên xã. Dân cư chủ yếu là người Mông và Người Lự, một bộ phận người dân tộc khác. Việc sắp xếp các xã để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Khun Há nằm ở khu vực có khí hậu khá mát mẻ, phù hợp với phát triển du lịch cộng đồng, trồng rừng, nông nghiệp và trồng cây dược liệu. Trung tâm xã rộng, có khả năng mở rộng không gian phát triển. Việc đặt trụ sở tại xã Khun Há giúp thuận tiện cho người dân trong việc đi lại, tập trung được nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế của các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi Khun Há là địa danh từ lâu đời, gần với lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Lai Châu (thành lập năm 1962 cùng với xã Bản Hòn khi đổi tên Khu tự trị Thái Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc). Việc đặt tên xã Khun Há cho ĐVHC mới là phù hợp lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi cho Nhân dân, phù hợp với tên gọi của nơi được lựa chọn là trung tâm xã mới.

4. Thành phố Lai Châu

4.1. Thành lập phường Tân Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã, phường: Tân Phong, Đông Phong, San Thàng của thành phố Lai Châu; các xã: Nùng Nàng, Bản Giang của huyện Tam Đường

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Tân Phong có: Diện tích tự nhiên 106,76 km² (đạt 1.941,1% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 36.456 người (đạt 243,0% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tả Lèng, xã Khun Há của huyện Tam Đường (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp phường Đoàn Kết, xã Nậm Tăm của huyện Sìn Hồ (xã, phường dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Nậm Tăm, xã Pu Sam Cáp của huyện Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp phường Đoàn Kết và xã Tả Lèng của huyện Tam Đường (xã, phường dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở phường Đông Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các xã Nùng Nàng, Bản Giang của huyện Tam Đường và các xã, phường San Thành, Tân Phong, Đông Phong của thành phố Lai Châu có vị trí tiếp giáp, diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo tiêu chí ĐVHC mới. Xã Nùng Nàng không có đường kết nối với các xã khác trong huyện, việc đi lại phải qua các xã, phường của thành phố Lai Châu. Hiện nay, tỉnh Lai Châu đã mở rộng quy hoạch phát triển không gian đô thị trong đó có khu vực Tây Nam đến các xã Bản Giang, Nùng Nàng của huyện Tam Đường để phát triển khu đô thị mới gắn với nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao,... Việc sắp xếp các xã, phường: San Thành, Tân Phong, Đông Phong với các xã Nùng Nàng Bản Giang để thành lập phường mới có quy mô lớn hơn so với quy định để mở rộng quy mô, tập trung nguồn lực thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế của thành phố nói riêng và của tỉnh nói chung, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị tỉnh Lai Châu.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Phường Đông Phong nằm ở cửa ngõ của thành phố Lai Châu, là nơi tập trung nhiều cơ quan, đơn vị của tỉnh như các đơn vị sự nghiệp, Trung tâm hành chính công, bến xe, bệnh viện, chợ đầu mối... Việc đặt trụ sở làm việc tại phường Đông Phong sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện thủ tục hành chính; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế của phường nói riêng, của tỉnh nói chung.

- *Lý do lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Phường Tân Phong gắn với lịch sử hình thành của thành phố Lai Châu, có diện tích rộng, dân số đông, buôn bán khá phát triển, là nơi đặt trụ sở của Khu Hợp khối Trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh, Trung tâm Hội nghị Văn hóa tỉnh. Việc đặt tên phường Tân Phong cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải thay đổi của người dân.

4.2. Thành lập phường Đoàn Kết trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lăn Nhì Thàng của huyện Phong Thổ; các xã, phường: Sùng Phài, Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng của thành phố Lai Châu

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Đoàn Kết có: Diện tích tự nhiên 134,31 km² (đạt 2.442,0% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 25.403 người (đạt 169,4% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Tân Phong (phường dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Hồng Thu, xã Nậm Tầm của huyện Sin Hồ; phía Nam giáp phường Tân Phong và xã Nậm Tầm của huyện Sin Hồ (xã, phường dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Phong Thổ, xã Nậm Xe, xã Sin Suối Hồ của huyện Phong Thổ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở thành phố Lai Châu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Xã Lản Nhì Thàng của huyện Phong Thổ và các xã, phường: Sùng Phài, Quyết Tiến, Quyết Thắng, Đoàn Kết của thành phố Lai Châu nằm tiếp giáp nhau có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo tiêu chí ĐVHC mới. Từ xã Lản Nhì Thàng về thành phố Lai Châu được kết nối bằng đường Quốc lộ 4D thuận lợi cho đi lại của Nhân dân. Các phường Quyết Tiến, Quyết Thắng trước đây thuộc cùng 01 phường. Việc sắp xếp xã Lản Nhì Thàng của huyện Phong Thổ với các xã, phường: Sùng Phài, Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng để thành lập phường mới có quy mô lớn hơn so với quy định để mở rộng quy mô, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế của phường nói riêng và của tỉnh nói chung.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Phường Quyết Tiến hiện là nơi đặt trụ sở của thành phố Lai Châu có dân cư sinh sống tập trung, thương mại, dịch vụ phát triển, có trụ sở làm việc mới được đầu tư xây dựng khang trang, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ ngay sau khi sắp xếp. Việc đặt trụ sở tại trụ sở của thành phố hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đi lại, giao dịch của người dân, tiết kiệm chi phí xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc; đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Phường Đoàn Kết được thành lập cùng với các phường Quyết Thắng, Tân Phong, gắn với lịch sử thành lập và phát triển của thành phố Lai Châu. Việc đặt tên phường Đoàn Kết là phù hợp với lịch sử, giảm thiểu khối lượng hồ sơ, giấy tờ phải thay đổi của Nhân dân.

5. Huyện Phong Thổ

5.1. Thành lập xã Sin Suối Hồ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Sin Suối Hồ, Nậm Xe của huyện Phong Thổ; xã Thèn Sin của huyện Tam Đường

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Sin Suối Hồ có: Diện tích tự nhiên 255,91 km² (đạt 255,9% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 16.338 người (đạt 326,8% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Lào Cai; phía Tây giáp xã Phong Thổ, xã Khổng Lào (xã dự kiến sau sắp xếp); Phía Nam giáp phường Đoàn Kết của thành phố Lai Châu, xã Tả Lèng của huyện Tam Đường (xã, phường dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Khổng Lào (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Thèn Sin hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Sin Suối Hồ, Nậm Xe, Thèn Sin có vị trí tiếp giáp nhau được kết nối bằng đường liên xã; giữa xã Nậm Xe và Sin Suối Hồ đã được quy hoạch đường Quốc lộ 4H nối giữa xã Nậm Xe với huyện Bát Xết, tỉnh Lào Cai để đầu tư phát triển du lịch đỉnh Bạch Mộc Lương Tử. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Mông, một bộ phận người dân tộc Thái và một số dân tộc khác thường xuyên có sự giao lưu, đi lại nên có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã; thuận lợi trong việc xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Thèn Sin nằm ở vị trí thuận lợi, gần xã San Thàng của thành phố Lai Châu, thuận lợi cho việc đi lại, buôn bán trao đổi hàng hóa của người dân. Việc đặt trụ sở làm việc tại xã Thèn Sin hiện nay sẽ tạo điều kiện đi lại, giao dịch của người dân; giúp tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Sin Suối Hồ là tên gọi có từ lâu đời, gắn với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Phong Thổ (từ năm 1962 sau khi đổi tên Khu tự trị Thái Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc). Sin Suối Hồ còn gắn với nghỉ dưỡng, các khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên bản đồ du lịch Việt Nam. Việc đặt tên xã Sin Suối Hồ cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, nhất là du lịch, nghỉ dưỡng trên địa bàn.

5.2. Thành lập xã Phong Thổ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Huổi Luông, Ma Li Pho, Mường So và thị trấn Phong Thổ

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Phong Thổ có: Diện tích tự nhiên 266,71 km² (đạt 266,7% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 23.295 người (đạt 465,9% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Đào San, Khổng Lào (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp Trung Quốc; phía Nam giáp xã Hồng Thu, xã Pa Tần của huyện Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Đào San (xã dự kiến sau sắp xếp) và Trung Quốc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở huyện Phong Thổ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Huổi Luông, Ma Li Pho, Mường So và thị trấn Phong Thổ có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC. Hiện nay các xã, thị trấn đã được quy hoạch phát triển kinh tế biên mậu của Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng. Việc sắp xếp các xã, thị trấn để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực; thuận lợi trong việc xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Thị trấn Phong Thổ là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện, là nơi tập trung các đơn vị của huyện, nơi giao lưu buôn bán, kết nối văn hóa của các dân tộc trong huyện. Việc đặt trụ sở tại trung tâm thị trấn (trụ sở huyện hiện nay) sẽ thuận lợi cho người dân trong việc giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, tiết kiệm ngân sách xây dựng trụ sở, đồng thời còn tạo đà phát triển kinh tế cho xã sau sắp xếp.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Thị trấn Phong Thổ là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện. Thực hiện chủ trương bỏ cấp huyện, tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; việc đặt tên xã Phong Thổ cho ĐVHC mới sau sắp xếp để ghi nhớ lịch sử tên gọi của ĐVHC thị trấn và huyện Phong Thổ.

5.3. Thành lập xã Đào San trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Đào San, Tung Qua Lìn, Mù Sang

b) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đào San có: Diện tích tự nhiên 137,29 km² (đạt 137,3% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 16.123 người (đạt 322,5% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông và phía Tây giáp Trung Quốc; Phía Nam giáp xã Phong Thổ, Khổng Lào (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Sì Lở Lầu (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Đào San hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Đào San, Mù Sang, Tung Qua Lìn có vị trí tiếp giáp nhau, được kết nối với nhau bằng đường tỉnh lộ 132, đường liên xã; dân cư chủ yếu là người Mông và một bộ các dân tộc khác cùng sinh sống, có sự tương đồng về văn hóa. Hiện nay các xã đã được quy hoạch và thực hiện phát triển trồng rừng, thủy điện, thương mại,... Việc sáp nhập các xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã; tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Đào San nằm ở vị trí trung tâm của các xã trong khu vực, là điểm nối giao thông giữa các xã, do vậy là khu vực

thuận lợi để đi lại, giao lưu trao đổi văn hóa của các xã và cũng là xã có sự buôn bán phát triển nhất trong các xã khu vực biên giới huyện Phong Thổ nói chung, các xã dự kiến sắp xếp nói riêng. Việc đặt trụ sở làm việc tại xã Đào San hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi Đào San có từ lâu đời, gắn với lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Lai Châu (từ năm 1944 theo Nghị định số 1.016/I ngày 09/3/1944 của Thống sứ Bắc Kỳ). Việc đặt tên Đào San (có nghĩa là núi hoa đào) cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi, phù hợp với tên gọi nơi được chọn làm trung tâm của xã mới.

5.4. Thành lập xã Sì Lở Lầu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Vàng Ma Chải, Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Pa Vây Sủ

b) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Sì Lở Lầu có: Diện tích tự nhiên 147,8 km² (đạt 147,8% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 16.196 người (đạt 323,9% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Nam giáp xã Đào San, xã Phong Thổ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây, phía Đông và phía Bắc giáp Trung Quốc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Vàng Ma Chải hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các xã Vàng Ma Chải, Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Pa Vây Sủ nằm ở phía Bắc huyện Phong Thổ, là địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh, có vị trí tiếp giáp nhau, dân cư chủ yếu là người Dao, một bộ phận người Hà Nhì cùng sinh sống lâu đời nên có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Hiện nay các xã đã được quy hoạch và thực hiện phát triển trồng rừng và trồng một số nông sản có sản lượng kinh tế cao như chè Shan Tuyết, Sâm Lai Châu... Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã; tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Xã Vàng Ma Chải có điểm nối giao thông đến các xã, do vậy là khu vực thuận lợi để đi lại, giao lưu trao đổi văn hóa của các xã; có khu chợ buôn bán phát triển. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Vàng Ma Chải hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi Sì Lở Lầu có từ lâu đời, gắn với lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Lai Châu (từ năm 1962 khi đổi tên Khu

tự trị Thái Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc). Việc đặt tên Sĩ Lữ Lầu cho ĐVHC là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi, phù hợp với tên gọi trung tâm của xã mới.

5.5. Thành lập xã Khổng Lào trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Khổng Lào, Hoang Thèn, Bản Lang

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Khổng Lào có: Diện tích tự nhiên 188,12 km² (đạt 188,1% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 16.924 người (đạt 338,5% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nậm Xe và Trung Quốc; phía Tây giáp xã Phong Thổ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Phong Thổ (xã dự kiến sau sắp xếp) và xã Nậm Xe; phía Bắc giáp xã Đào San (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Khổng Lào hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Khổng Lào, Hoang Thèn, Bản Lang có vị trí tiếp giáp nhau được kết nối bằng đường tỉnh lộ 130 và tỉnh lộ 132. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Mông, Thái, Dao sinh sống từ lâu, thường xuyên có sự giao lưu, buôn bán hàng hóa nên có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã; thuận lợi trong việc xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Khổng Lào nằm ở vị trí trung tâm kết nối các xã của huyện khu vực biên giới và nội địa qua đường tỉnh lộ 130 và tỉnh lộ 132, do vậy là khu vực thuận lợi để đi lại, giao lưu trao đổi văn hóa của các xã. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Khổng Lào hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi Khổng Lào có từ lâu đời, gắn với sự hình thành và phát triển của tỉnh Lai Châu (từ năm 1962 khi đổi tên Khu tự trị Thái Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc). Khổng Lào có Lễ hội Then Kin Pang nổi tiếng của người dân tộc Thái. Việc lấy tên gọi Khổng Lào cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giữ gìn nét truyền thống văn hóa, giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi, phù hợp với tên gọi nơi lựa chọn là khu vực trung tâm xã.

6. Huyện Sìn Hồ

6.1. Thành lập xã Tủa Sín Chải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tủa Sín Chải, Làng Mò, Tả Ngảo

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tủa Sín Chải có: Diện tích tự nhiên 292,88 km² (đạt 292,9% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 16.199 người (đạt 324,0% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp các xã Nậm Mạ, Nậm Tăm (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Chăn Nưa (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp tỉnh Điện Biên; phía Bắc giáp xã Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Làng Mô hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Tủa Sín Chải, Làng Mô, Tả Ngảo cùng nằm trên trục đường nối liền từ xã Tủa Sín Chải đi thị trấn Sìn Hồ, có vị trí thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu, trao đổi hàng hóa của Nhân dân. Dân cư các xã chủ yếu là người dân tộc Mông nên có sự tương đồng về truyền thống văn hóa, ngôn ngữ và phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Làng Mô là trung tâm của ba xã có đường giao thông đi lại thuận tiện, thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán, thực hiện các thủ tục hành chính của người dân. Việc đặt trụ sở tại trung tâm xã Làng Mô sẽ tạo điều kiện cho việc đi lại, thực hiện các thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Xã Tủa Sín Chải gắn với lịch sử hình thành của huyện Sìn Hồ (sau năm 1954); việc đặt tên xã là Tủa Sín Chải cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải thay đổi của người dân.

6.2. Thành lập xã Sìn Hồ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sà Dề Phìn, Phăng Sô Lin, Tả Phìn và thị trấn Sìn Hồ

b) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Sìn Hồ có: Diện tích tự nhiên 159,70 km² (đạt 159,7% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 14.012 người (đạt 280,2% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Hồng Thu, Nậm Tăm (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Pa Tần, xã Chăn Nưa (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Tủa Sín Chải (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Hồng Thu (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở huyện Sìn Hồ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Phăng Sô Lin, Sà Dề Phìn, Tả Phìn và thị trấn Sìn Hồ có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC, được kết nối với nhau bằng đường tỉnh lộ 128. Hiện các xã, thị trấn đã được quy hoạch phát triển Khu Du lịch quốc gia Cao nguyên Sìn Hồ. Việc sắp xếp các xã, thị trấn để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Thị trấn Sìn Hồ là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện, là nơi tập trung các đơn vị của huyện, nơi giao lưu buôn bán, kết nối văn hóa của các dân tộc trong huyện. Việc đặt trụ sở tại trung tâm thị trấn (trụ sở huyện hiện nay) sẽ thuận lợi cho người dân trong việc giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời còn tạo đà phát triển kinh tế cho xã sau sắp xếp.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Thị trấn Sìn Hồ là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện. Thực hiện chủ trương bỏ cấp huyện, tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ quý III năm 2025, việc đặt tên xã là Sìn Hồ là để ghi nhớ yếu tố lịch sử tên gọi ĐVHC thị trấn và huyện Sìn Hồ.

6.3. Thành lập xã Hồng Thu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hồng Thu, Phìn Hồ, Ma Quai

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Hồng Thu có: Diện tích tự nhiên 177,99 km² (đạt 178% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 13.368 người (đạt 267,4% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Phong Thổ của huyện Phong Thổ và phường Đoàn Kết của thành phố Lai Châu (xã, phường dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Pa Tàn (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Sìn Hồ, xã Nậm Tăm (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Phong Thổ của huyện Phong Thổ (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Ma Quai hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Phìn Hồ, Hồng Thu, Ma Quai có vị trí tiếp giáp nhau, nằm trong khu vực ngã ba Sáo Lèng, nơi kết nối giao thương và đi lại của hai vùng cao - thấp của huyện Sìn Hồ qua đường tỉnh lộ 128 và 133. Dân cư xã chủ yếu là người dân tộc Mông, một bộ phận người Thái và Dao thường xuyên có sự giao lưu, trao đổi hàng hóa tại khu vực Sáo Lèng nên có sự và tương đồng về truyền thống văn hóa và phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Ma Quai nằm trên đường tỉnh lộ 133 kết nối các xã vùng thấp với vùng cao của huyện, thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu, buôn bán của các Nhân dân trong khu vực; có địa hình thấp, khu vực trung tâm bằng phẳng, có khả năng mở rộng không gian phát triển. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Ma Quai hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi xã Hồng Thu gắn với lịch sử hình thành của huyện Sìn Hồ (sau năm 1954); việc đặt tên xã là Hồng Thu cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi, phù hợp với tên gọi nơi được lựa chọn làm trung tâm của xã mới.

6.4. Thành lập xã Nậm Tăm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Tăm, Lùng Thàng, Nậm Cha

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nậm Tăm có: Diện tích tự nhiên 242,28 km² (đạt 242,3 % so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 12.753 người (đạt 255,1% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Pu Sam Cáp và các phường Đoàn Kết, Tân Phong của thành phố Lai Châu (phường dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Sìn Hồ, xã Tủa Sín Chải (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Pa Sam Cáp, xã Nậm Mạ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Hồng Thu (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Nậm Tăm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Nậm Tăm, Lùng Thàng, Nậm Cha có vị trí tiếp giáp nhau, không đủ tiêu chuẩn của ĐVHC mới. Dân cư xã chủ yếu là người dân tộc Thái, Dao, Lự thường xuyên có sự giao lưu, trao đổi nên có sự và tương đồng về truyền thống văn hóa và phong tục tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Nậm Tăm nằm ở trung tâm của khu vực vùng thấp huyện Sìn Hồ và các xã dự kiến sắp xếp, có đường giao thông kết nối với thành phố Lai Châu qua đường tỉnh lộ 135 thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu, buôn bán của các Nhân dân trong khu vực. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Nậm Tăm hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã, dự kiến là trung tâm phát triển kinh tế của toàn bộ khu vực vùng thấp của huyện Sìn Hồ.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi xã Nậm Tăm gắn với lịch sử hình thành của huyện Sìn Hồ (từ sau năm 1954); việc đặt tên xã là Nậm Tăm cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi, phù hợp với trung tâm của xã mới.

6.5. Thành lập xã Pu Sam Cáp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pa Khóa, Pu Sam Cáp, Noong Hẻo

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Pu Sam Cáp có: Diện tích tự nhiên 152,23 km² (đạt 152,2% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.611 người (đạt 232,2% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Khun Há của huyện Tam Đường (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp các xã Nậm Mạ, Nậm Tăm (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Nậm Mạ, Nậm Cuối (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp xã Nậm Tăm và phường Tân Phong của thành phố Lai Châu (xã, phường dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Noong Hẻo hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các xã Pa Khóa, Pu Sam Cáp, Noong Hẻo có vị trí tiếp giáp, giao thông đi lại thuận lợi bằng đường tỉnh lộ 133 và đường liên xã. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Thái, Dao, Mông, thường xuyên có sự giao lưu, đi lại nên giữa các xã có sự giao thoa và tương đồng về truyền thống văn hóa. Hiện nay các xã đã được quy hoạch và thực hiện phát triển trồng rừng, cao su, nuôi trồng thủy sản vùng ngập thủy điện. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Xã Noong Hẻo nằm ở vị trí trung tâm của các xã trong khu vực, là khu vực thuận lợi để đi lại, giao lưu trao đổi văn hóa của các xã. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Noong Hẻo hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi xã Pu Sam Cáp gắn với lịch sử hình thành của huyện Sìn Hồ (từ sau năm 1954), đồng thời gắn với tên gọi dãy núi chạy dọc phía Đông Bắc của các xã; việc đặt tên xã là Pu Sam Cáp cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, vừa giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi.

6.6. Thành lập xã Nậm Cuối trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Cuối, Nậm Hăn

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nậm Cuối có: Diện tích tự nhiên 177,16 km² (đạt 177,2% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 10.799 người (đạt 216,0% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nậm Sỏ của huyện Tân Uyên (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Nậm Mạ (xã dự kiến sau sắp xếp) và tỉnh Điện Biên; phía Nam giáp tỉnh Điện Biên và tỉnh Sơn La; phía Bắc giáp xã Nậm Mạ và xã Pu Sam Cáp (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Nậm Cuối hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Nậm Cuối, Nậm Hăn có vị trí tiếp giáp được kết nối bằng đường liên xã, có giao thông đi lại thuận lợi. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Thái, Dao, thường xuyên có sự giao lưu, đi lại nên giữa các xã có sự giao thoa và tương đồng về truyền thống văn hóa. Hiện nay các xã đã được quy hoạch và thực hiện phát triển trồng rừng, cao su, nuôi trồng thủy sản vùng ngập thủy điện. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Nậm Cuối nằm ở vị trí thuận lợi, kết nối giao thông với các xã trong khu vực, là khu vực thuận lợi để đi lại, giao lưu trao đổi văn hóa của các xã. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Nậm Cuối hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi các xã Nậm Cuối, Nậm Hăn gắn với lịch sử hình thành của huyện Sìn Hồ (sau năm 1954); việc đặt tên xã Nậm Cuối cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi, phù hợp với trung tâm của xã mới.

6.7. Thành lập xã Nậm Mạ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Cấn Co, Nậm Mạ

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nậm Mạ có: Diện tích tự nhiên 112,73 km² (đạt 112,7% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 6.504 người (đạt 130,1% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nậm Cuối và xã Pu Sam Cáp (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Tủa Sín Chải (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Nậm Cuối (xã dự kiến sau sắp xếp) và tỉnh Điện Biên; phía Bắc giáp xã Nậm Tăm, Pu Sam Cáp (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Cấn Co hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Căn Co, Nậm Mạ có vị trí tiếp giáp, không đủ điều kiện của ĐVHC mới. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Thái, thường xuyên có sự giao lưu, đi lại nên giữa các xã có sự giao thoa và tương đồng về truyền thống văn hóa. Hiện nay các xã đã được quy hoạch và thực hiện phát triển trồng rừng, cao su, nuôi trồng thủy sản vùng ngập thủy điện. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Căn Co nằm ở vị trí trung tâm của các xã trong khu vực, là khu vực thuận lợi để đi lại, giao lưu trao đổi văn hóa của các xã. Trụ sở xã mới được đầu tư xây dựng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ của ĐVHC mới. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Căn Co hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi xã Nậm Mạ gắn với lịch sử hình thành của huyện Sìn Hồ (sau năm 1954); việc đặt tên xã Nậm Mạ cho ĐVHC mới vừa để gìn giữ lịch sử, vừa giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi.

6.8. Thành lập xã Pa Tần trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Ban, Trung Chải của huyện Nậm Nhùn; xã Pa Tần của huyện Sìn Hồ

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Pa Tần có: Diện tích tự nhiên 316,53 km² (đạt 316,5% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 9.039 người (đạt 180,8% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Hồng Thu, xã Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Hua Bum của huyện Nậm Nhùn; phía Nam giáp xã Chăn Nưa (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp Trung Quốc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Trung Chải hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Nậm Ban, Trung Chải, Pa Tần có vị trí tiếp giáp nhau, được kết nối bằng Quốc lộ 12 và 4H; dân cư các xã chủ yếu là người Mông, Mảng và Thái cùng sinh sống; xã Nậm Ban và Trung Chải trước đây thuộc cùng một xã, thường xuyên có sự giao lưu trao đổi, buôn bán và văn hóa giữa các cộng đồng dân cư. Việc sáp nhập các xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã; tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Trung Chải nằm ở trung tâm của 03 xã, kết nối với hai xã còn lại qua đường Quốc lộ 4H thuận lợi cho đi lại,

thực hiện các thủ tục hành chính của Nhân dân. Việc đặt trụ sở xã mới tại xã Trung Chải sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi các xã Pa Tần, Nậm Ban gắn với lịch sử hình thành của huyện Sìn Hồ (sau năm 1954), tên gọi Pa Tần còn có phiên âm giống với Bắc Tân Trại thuộc Ma Xao Phình (là tiền thân của huyện Sìn Hồ sau này); việc đặt tên xã Pa Tần cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ của người dân phải thay đổi, phù hợp với trung tâm của xã mới.

7. Huyện Nậm Nhùn

7.1. Thành lập xã Lê Lợi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Pì, Pú Dao, Lê Lợi của huyện Nậm Nhùn; xã Chăn Nưa của huyện Sìn Hồ

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Lê Lợi có: Diện tích tự nhiên 288,36 km² (đạt 288,4% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 9.110 người (đạt 182,2% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Sìn Hồ, xã Tủa Sín Chải của huyện Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Nậm Hàng (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp tỉnh Điện Biên; phía Bắc giáp xã Pa Tần của huyện Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Chăn Nưa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các xã Nậm Pì, Pú Dao, Lê Lợi của huyện Nậm Nhùn và xã Chăn Nưa của huyện Sìn Hồ có vị trí tiếp giáp, được kết nối bằng Quốc lộ 12, tỉnh lộ 127, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC. Hai xã Chăn Nưa và Nậm Phù trước đây là 01 xã. Dân cư chủ yếu là người Thái, Mông thường xuyên có sự giao lưu, buôn bán nên có sự giao thoa, tương đồng về văn hóa và phong tục, tập quán. Việc sắp xếp các xã để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Xã Chăn Nưa nằm ở vị trí trung tâm của các xã, có vị trí quan trọng là trung tâm kết nối giao thông của các xã trong khu vực và giữa hai huyện Nậm Nhùn - Sìn Hồ, có tiềm năng, lợi thế trong phát triển thương mại, giao lưu buôn bán của Nhân dân. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Chăn Nưa hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Xã Lê Lợi là tên gọi gắn với di tích lịch sử Đền thờ Vua Thái Tổ. Việc đặt tên xã sau sắp xếp là Lê Lợi để ghi lại địa danh lịch sử, quy hoạch phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

7.2. Thành lập xã Nậm Hàng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Hàng, Nậm Manh và thị trấn Nậm Nhùn

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nậm Hàng có: Diện tích tự nhiên 335,92 km² (đạt 335,9% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.218 người (đạt 224,4% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Lê Lợi (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Mường Mô (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp tỉnh Điện Biên; phía Bắc giáp xã Hua Bum.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở huyện Nậm Nhùn hiện nay

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các xã Nậm Hàng, Nậm Manh và thị trấn Nậm Nhùn trước kia thuộc cùng một xã, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC. Việc sắp xếp các xã, thị trấn để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Thị trấn Nậm Nhùn là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện, là nơi tập trung các đơn vị của huyện, nơi giao lưu buôn bán, kết nối văn hóa của các dân tộc trong huyện. Việc đặt trụ sở tại trung tâm thị trấn (trụ sở huyện hiện nay) sẽ thuận lợi cho người dân trong việc giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời còn tạo đà phát triển kinh tế cho xã sau sắp xếp.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi Nậm Hàng có từ lâu đời, gắn với quá trình hình thành và phát triển của huyện Mường Tè và huyện Nậm Nhùn; là tên gọi chung của các xã, thị trấn trước khi chia tách. Việc đặt tên Nậm Hàng cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử của các ĐVHC, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của người dân.

7.3. Thành lập xã Mường Mô trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Mô, Nậm Chà

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Mường Mô có: Diện tích tự nhiên 395,15 km² (đạt 395,2% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.335 người (đạt 146,7% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nậm Hàng (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Bum Tở của huyện Mường Tè (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp tỉnh Điện Biên; phía Bắc giáp xã Hua Bum.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Mường Mô hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Mường Mô, Nậm Chà có vị trí tiếp giáp được kết nối với nhau bằng đường đường liên xã; hai xã Mường Mô và xã Nậm Chà trước đây thuộc cùng một xã Mường Mô cũ nên có sự giao thoa về phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Mường Mô là xã đạt chuẩn nông thôn mới đầu tiên của huyện Nậm Nhùn, dân cư sinh sống tập trung tại khu vực trung tâm xã, nằm trên trục đường tỉnh lộ 127 mới kết nối giữa hai huyện Mường Tè và Nậm Nhùn nên có tiềm năng, lợi thế trong phát triển thương mại, giao lưu buôn bán của Nhân dân. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Mường Mô hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Trước khi được chia tách (vào năm 2012 tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ), hai xã Mường Mô, Nậm Chà thuộc cùng 01 ĐVHC xã Mường Mô. Việc đặt tên xã Mường Mô cho ĐVHC xã mới là phù hợp với lịch sử của các xã.

7.4. Thành lập xã Hua Bum trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hua Bum của huyện Nậm Nhùn, xã Vàng San của huyện Mường Tè

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Hua Bum có: Diện tích tự nhiên 355,72 km² (đạt 355,7% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 5.697 người (đạt 113,9% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Pa Tàn của huyện Sìn Hồ (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Bum Tở của huyện Mường Tè (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Mường Mô, xã Nậm Hàng (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp Trung Quốc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Hua Bum hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Hua Bum, Vàng San có vị trí tiếp giáp được kết nối với nhau bằng đường Quốc lộ 4H; dân cư chủ yếu là người Mảng,

Mông, Thái sinh sống cùng nhau từ lâu nên có sự giao thoa, tương đồng về văn hóa và phong tục, tập quán. Việc sáp nhập xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã; thuận lợi trong việc xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Hua Bum nằm trên đường Quốc lộ 4H kết nối giữa hai huyện Nậm Nhùn - Mường Tè, dân cư sinh sống tập trung tại khu vực trung tâm xã, có tiềm năng, lợi thế trong phát triển thương mại, giao lưu buôn bán của Nhân dân. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Hua Bum hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã, góp phần bảo vệ an ninh biên giới.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi Hua Bum gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Mường Tè và huyện Nậm Nhùn (có từ sau năm 1954). Việc đặt tên xã Hua Bum cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của người dân, phù hợp với tên gọi của nơi được chọn làm trung tâm xã.

8. Huyện Mường Tè

8.1. Thành lập xã Bum Nura trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bum Nura, Pa Vệ Sủ

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bum Nura có: Diện tích tự nhiên 315,12 km² (đạt 315,1% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.147 người (đạt 142,9% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông và phía Nam giáp xã Hua Bum của huyện Nậm Nhùn (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Bum Tở (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp Trung Quốc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Bum Nura hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Bum Nura, Pa Vệ Sủ có vị trí tiếp giáp nhau, được kết nối bằng đường liên xã; dân cư các xã chủ yếu là người Thái, La Hủ cùng sinh sống, thường xuyên có sự giao lưu trao đổi, buôn bán nên có sự giao thoa văn hóa giữa các cộng đồng dân cư. Việc sáp nhập các xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã; thuận lợi trong việc xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Bum Nura có vị trí là cửa ngõ của thị trấn Mường Tè, là trung tâm kết nối nhiều xã trong khu vực, có vị trí thuận lợi cho việc đi lại, giao thương của Nhân dân; khu vực trung tâm xã có

mặt bằng rộng, có điều kiện mở rộng không gian phát triển. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Bum Nura hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, tạo đà phát triển, góp phần thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi Bum Nura gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Mường Tè (có từ sau năm 1954). Việc đặt tên xã Bum Nura cho ĐVHC mới để ghi nhớ lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của người dân, phù hợp với tên gọi nơi lựa chọn làm trung tâm xã.

8.2. Thành lập xã Bum Tở trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Can Hồ, Bum Tở, thị trấn Mường Tè

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bum Tở có: Diện tích tự nhiên 384,08 km² (đạt 384,1% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.711 người (đạt 234,2% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Bum Nura và các xã: Hua Bum, Mường Mô của huyện Nậm Nhùn (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Mường Tè (xã dự kiến sau sắp xếp), Tà Tổng; phía Nam giáp xã Mường Mô của huyện Nậm Nhùn (xã dự kiến sau sắp xếp) và tỉnh Điện Biên; phía Bắc giáp xã Bum Nura (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở huyện Mường Tè hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các xã Can Hồ, Bum Tở và thị trấn Mường Tè có vị trí tiếp giáp về địa giới hành chính, được kết nối bởi đường Quốc lộ 4H và đường tỉnh lộ 127, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC. Dân cư chủ yếu là người La Hủ, Thái, một bộ phận người Kinh, Hà Nhì sinh sống cùng nhau từ lâu đời nên có sự giao thoa về văn hóa, phong tục tập quán. Hiện các xã, thị trấn đã được quy hoạch phát triển trồng rừng, dược liệu và nuôi trồng thủy sản... Việc sắp xếp các xã, thị trấn để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Thị trấn Mường Tè là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của huyện, là nơi tập trung các đơn vị của huyện, nơi giao lưu buôn bán, kết nối văn hóa của các dân tộc trong huyện. Việc đặt trụ sở tại trung tâm huyện sẽ thuận lợi cho người dân trong việc giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, tiết kiệm ngân sách xây dựng mới trụ sở, đồng thời còn tạo đà phát triển kinh tế cho xã sau sắp xếp.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Tên gọi Bum Tở gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Mường Tè (có từ sau năm 1954). Thị trấn Mường Tè và xã Bum Tở trước khi chia tách thuộc cùng xã Bum Tở. Việc đặt tên xã Bum Tở cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử của ĐVHC, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của người dân.

8.3. Thành lập xã Mường Tè trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Tè, Nậm Khao

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Mường Tè có: Diện tích tự nhiên 291,99 km² (đạt 292,0% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 6.364 người (đạt 127,3% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Bum Tở (xã dự kiến sau sắp xếp; phía Tây giáp xã Ka Lăng (xã dự kiến sau sắp xếp) và xã Mù Cỏ; phía Nam giáp xã Tà Tổng; phía Bắc giáp xã Pa Ủ (xã dự kiến sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Mường Tè hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án*: Các Mường Tè, Nậm Khao có vị trí tiếp giáp nhau, được kết nối bằng Quốc lộ 4H và các đường liên huyện; dân cư các xã chủ yếu là người Thái và La Hủ, một bộ phận người Cống cùng sinh sống; khoảng cách giữa trung tâm các xã không quá xa, thường xuyên có sự giao lưu trao đổi, buôn bán và đi lại của người dân, do vậy các xã có sự tương đồng về phong tục, tập quán giữa các cộng đồng dân cư. Hiện nay các xã đã được quy hoạch phát triển trồng rừng, thủy sản sông Đà, trồng cây dược liệu... Việc sáp nhập các xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc*: Xã Mường Tè nằm ở vị trí thuận lợi, dân cư tập trung, trụ sở xã nằm gần đường Quốc lộ 4H có vị trí thuận lợi cho việc đi lại, giao thương của Nhân dân; là xã đạt chuẩn nông thôn mới đầu tiên của huyện, có mặt bằng rộng, có điều kiện mở rộng không gian phát triển. Việc đặt trụ sở làm việc tại trụ sở xã Mường Tè hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đẩy mạnh kết nối giao thương giữa các xã, tập trung được nguồn lực đầu tư, góp phần thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC*: Xã Mường Tè là địa danh lịch sử, nơi giam cầm và là căn cứ hoạt động cách mạng của nhà cách mạng yêu nước Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - nguyên Chủ tịch nước (4/1980-7/1981). Việc đặt tên xã Mường Tè cho ĐVHC mới sau sắp xếp là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải thay đổi của người dân, phù hợp với nơi được chọn làm trung tâm xã mới.

8.4. Thành lập xã Thu Lũm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ka Lăng, Thu Lũm

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Thu Lũm có: Diện tích tự nhiên 251,55 km² (đạt 251,6% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 5.255 người (đạt 105,1% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Tây và phía Bắc giáp Trung Quốc; Phía Nam giáp xã Mường Tè (xã dự kiến sau sắp xếp) và xã Mù Cỏ; phía Đông giáp xã Pa Ủ, Mường Tè (xã dự kiến mới sau sắp xếp).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Ka Lăng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Thu Lũm, Ka Lăng có vị trí tiếp giáp nhau, là khu vực trọng yếu về quốc phòng, an ninh, dân cư các xã chủ yếu là người Hà Nhì cùng sinh sống, thường xuyên có sự giao lưu, trao đổi buôn bán giữa các xã; do vậy các xã có sự tương đồng về phong tục, tập quán giữa các cộng đồng dân cư. Các xã có sự liên kết về giao thông bằng liên xã (được quy hoạch là tỉnh lộ 4H3). Hiện nay, trên địa bàn các xã đã được quy hoạch phát triển trồng rừng, cây dược liệu và một số nông sản có giá trị kinh tế cao như Sâm Lai Châu, Tam Thất, ớt Trung Đoàn, sả... Việc sáp nhập các xã sẽ tạo được không gian phát triển, tập trung được nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã; tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Trước mắt đặt tại xã Ka Lăng hiện nay có địa bàn rộng hơn, có khả năng mở rộng không gian phát triển, là điểm nối đường giao thông đến các xã trong khu vực, có đường liên xã đến xã Thu Lũm (đang được quy hoạch là tuyến đường tỉnh lộ 4H3). Việc đặt trụ sở tại xã Ka Lăng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế biên mậu, góp phần thúc đẩy kinh tế trên địa bàn các xã.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi Thu Lũm, Ka Lăng gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Mường Tè (có từ sau năm 1954). Việc đặt tên xã Thu Lũm cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử ĐVHC, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của người dân, thuận lợi cho công tác đối ngoại, hơn nữa đồn biên phòng Thu Lũm là tiền thân của đồn biên phòng Ka Lăng hiện nay.

8.5. Thành lập xã Pa Ủ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pa Ủ, Tá Bạ

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Pa Ủ có: Diện tích tự nhiên 444,58 km² (đạt 444,6% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 6.084 người (đạt 121,7% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Bum Nua (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Tây giáp xã Ka Lăng (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Nam giáp xã Mường Tè (xã dự kiến sau sắp xếp); phía Bắc giáp Trung Quốc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Pa Ủ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Việc lựa chọn phương án:* Các xã Pa Ủ, Tá Bạ có vị trí tiếp giáp về địa giới hành chính, được kết nối bởi đường liên xã, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo theo quy định thuộc diện phải sắp xếp ĐVHC. Dân cư hai xã chủ yếu là người La Hủ và người Hà Nhì. Việc sắp xếp các xã để thành lập ĐVHC xã mới có quy mô lớn hơn theo quy định là phù hợp với chủ trương của Đảng, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực; tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

- *Việc lựa chọn nơi đặt trụ sở làm việc:* Xã Pa Ủ có lịch sử thành lập từ lâu, là xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự, có đường liên xã nối xã Tá Bạ và xã Mường Tè nên thuận lợi cho Nhân dân trong việc giao lưu, trao đổi. Việc đặt trụ sở tại xã Pa Ủ sẽ thuận lợi cho người dân trong việc giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời còn tạo đà phát triển kinh tế cho xã sau sắp xếp.

- *Việc lựa chọn tên gọi ĐVHC:* Tên gọi Pa Ủ gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Mường Tè (có từ sau năm 1954). Việc đặt tên xã Pa Ủ cho ĐVHC mới là phù hợp với lịch sử, giảm khối lượng giấy tờ phải chuyển đổi của người dân, phù hợp với tên gọi nơi được lựa chọn là trung tâm xã.

III. KẾT QUẢ SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP CỦA XÃ TỈNH LAI CHÂU NĂM 2025

Trước khi sắp xếp, tỉnh Lai Châu có 106 ĐVHC cấp xã gồm có 94 xã, 05 phường và 07 thị trấn. Sau khi sắp xếp, tỉnh Lai Châu có 38 ĐVHC cấp xã, gồm 36 xã, 02 phường; giảm 68 ĐVHC cấp xã gồm 58 xã, 03 phường, 07 thị trấn.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

- Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp đơn vị hành chính phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- HĐND tổ chức 02 Ban: Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

- UBND tổ chức 04 phòng chuyên môn: (1) Văn phòng HĐND và UBND; (2) Phòng Kinh tế (đối với xã), Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường); (3) Phòng Văn hoá - Xã hội; (4) Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Khóa của HĐND ở đơn vị hành chính mới sau sắp xếp được xác định như sau:

+ Trường hợp ĐVHC mới sau sắp xếp giữ nguyên tên gọi của một trong các ĐVHC trước sắp xếp thì khóa của HĐND ở ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục tính theo khóa của HĐND ở ĐVHC được giữ nguyên tên gọi.

+ Trong trường hợp ĐVHC mới sau sắp xếp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi loại ĐVHC thì khóa của HĐND ở ĐVHC sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập.

- Đối với trường hợp 01 ĐVHC cấp xã giữ nguyên (không sắp xếp) căn cứ vào điều kiện, thực tế để xem xét quyết định số lượng cơ quan, chuyên môn cho phù hợp hoặc không tổ chức các phòng chuyên môn theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với lĩnh vực giáo dục: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc UBND huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Đối với lĩnh vực y tế: Duy trì các Trạm T tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới hoặc có thể tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các trung tâm y tế hiện nay, Sở Y tế tổ chức sắp xếp, cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập để cung ứng một số dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (*cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường...*)

- Sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (Ban quản lý dự án) thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng,... trên địa bàn.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

- Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện có được

bổ trí làm nòng cốt tại các đơn vị cơ sở mới; có thể tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã.

- Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện, cán bộ, công chức của cấp xã hiện có để bổ trí làm việc tại cấp xã và thực hiện rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định của Chính phủ; dự kiến biên chế bình quân tối thiểu của mỗi cấp xã là 32 biên chế (*không bao gồm khối đảng, đoàn thể*).

- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức, viên chức hiện nay, Ban Thường vụ, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sắp xếp, bổ trí cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới theo phân cấp thẩm quyền quản lý.

- Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã khi được bổ trí vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý ĐVHC cấp xã mới tiếp tục giữ phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ. Trường hợp công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới thì tạm thời chưa áp dụng mức phụ cấp lãnh đạo và sẽ thực hiện khi có quy định của Chính phủ về hệ số phụ cấp chức vụ của chức vụ lãnh đạo, quản lý đó.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố hiện nay thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bổ trí công tác theo quy định.

3. Phương án, lộ trình giải quyết chế độ chính sách sau sắp xếp ĐVHC

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được bổ trí công tác ở ĐVHC mới thì tiếp tục được hưởng lương theo ngạch, bậc và chế độ phụ cấp lương hiện hưởng trong thời gian 6 tháng; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thực hiện rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Trường hợp cán bộ, công chức ở cấp huyện và cấp xã không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ trí công việc ở cấp xã mới thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Chính phủ.

- Xây dựng lộ trình tinh giản biên chế đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC trong thời hạn 05 năm theo đúng quy định.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

- Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Chọn trụ sở làm việc của 01 trong các ĐVHC sắp xếp để làm trụ sở làm việc của ĐVHC mới để đảm bảo hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở không bị gián đoạn sau sắp xếp, thực hiện tiết kiệm, tránh lãng phí.

- Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành, hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị hành chính sau sắp xếp.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

- Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

- Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Sở Nội vụ

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình thường trú trên địa bàn đối với ĐVHC cấp xã. Tổng hợp ý kiến cử tri và hoàn thiện Đề án theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Chính phủ, Bộ Nội vụ thẩm định Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025.

- Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Lai Châu; tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC; bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp ĐVHC; giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC.

- Tham mưu, giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, nắm bắt chung tình hình thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, các xã, phường, thị trấn để hoàn thành các công việc kịp tiến độ, thời gian, bảo đảm quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

2. Sở Tài chính

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương lập dự toán phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính (*rà soát, xử lý tài sản công...*), quy hoạch chung theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Cung cấp số liệu diện tích tự nhiên đảm bảo tính pháp lý phục vụ xây dựng Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trong Đề án. Tham mưu hướng dẫn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới và các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

4. Sở Xây dựng

- Phối hợp với các địa phương và Sở Nội vụ tham mưu xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Lai Châu.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu các nội dung liên quan đến quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, phân loại đô thị; đánh giá phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị... tại các ĐVHC đô thị trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo quy định (nếu có).

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với ĐVHC cấp xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tham mưu thực hiện rà soát, xác định xã khu vực III, II, I, thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp theo văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Tổ chức triển khai nắm bắt tình hình tại các điểm nhóm tôn giáo, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền khi có vấn đề phát sinh xảy ra (nếu có).

6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu rà soát các ĐVHC cấp xã có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hoá, dân tộc tương đồng phục vụ cho việc xây dựng đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Lai Châu.

7. Sở Ngoại vụ

- Tham mưu rà soát các chương trình, dự án hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nước bạn sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế theo thẩm quyền, trách nhiệm được giao.

8. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại trạm y tế xã, phường, thị trấn đồng bộ với sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu hướng dẫn trung tâm y tế các huyện, thành phố; trạm y tế các xã, phường, thị trấn... và các vấn đề khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ để bảo đảm công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp tham mưu sắp xếp các đơn vị trường học đảm bảo theo quy định. Tham mưu hướng dẫn công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo ... và các vấn đề khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ để bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đào tạo khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn các cơ quan, địa phương về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; về xây dựng hệ thống dữ liệu kết nối, liên thông giữa chính quyền địa phương cấp xã, cấp tỉnh, liên thông với cơ quan trung ương,... và các vấn đề khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo theo quy định.

11. Văn phòng UBND tỉnh

Chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức cuộc họp cho chủ trương Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Lai Châu theo quy định.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với các cơ quan, liên quan tổ chức lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình ở các ĐVHC cấp xã có liên quan về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính đảm bảo dân chủ, đúng luật.

13. Công an tỉnh

- Cung cấp số liệu dân số thường trú của từng xã, phường, thị trấn đảm bảo tính pháp lý để phục vụ cho xây dựng Đề án.

- Theo dõi, nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định của Nhà nước về đảm bảo an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong quá trình chuẩn bị và tiến hành sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã. Chủ trì, phối hợp với cơ quan Quân sự, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan bảo vệ pháp luật và thực hiện tốt phương án giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh thắng lợi đối với mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho công tác sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã.

- Tham mưu, hướng dẫn thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu, thay đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân và định danh điện tử; việc rà soát, cung cấp số liệu về nhân khẩu thực tế tại ĐVHC các cấp và hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực lý lịch tư pháp.

14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Chủ trì, phối hợp với Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh và các cơ quan bảo vệ pháp luật và thực hiện tốt phương án giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh thắng lợi đối với mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho công tác sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

15. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Rà soát xác định ĐVHC cấp xã thuộc khu vực biên giới. Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan bảo vệ pháp luật phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với phương thức, thủ đoạn hoạt động của thế lực thù địch, phòng,

chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định để phục vụ cho công tác sắp xếp ĐVHC cấp xã.

16. UBND các huyện, thành phố

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động trong thực hiện chủ trương về sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Lai Châu.

- Chỉ đạo, hướng dẫn cấp xã thực hiện các trình tự, thủ tục; các nhiệm vụ, công việc có liên quan; hoàn thiện hồ sơ theo quy định về sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn. Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình thường trú trên địa bàn đối với ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp.

- Rà soát biên chế, thực trạng số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; phối hợp đề xuất phương án sắp xếp nhân sự lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức ĐVHC cấp xã sau sắp xếp. Đề xuất thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức thuộc diện ĐVHC phải thực hiện sắp xếp.

- Chỉ đạo, hướng dẫn về hồ sơ, tài liệu do ĐVHC cấp xã đang quản lý, sử dụng: Rà soát, thống kê, kiểm đếm, bàn giao hồ sơ, tài liệu đối với các nội dung đang thực hiện; bàn giao, bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đảm bảo thận trọng, chặt chẽ, đúng quy định, tránh việc thất lạc, mất hồ sơ, tài liệu trong quá trình sắp xếp ĐVHC.

- Chỉ đạo, hướng dẫn ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính, tài sản, các chương trình, dự án, đề án liên quan đến ngân sách nhà nước cấp, các đề án, dự án, chương trình liên quan đến kinh phí ngoài ngân sách (nếu có) ... để thực hiện bàn giao theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Các ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp thực hiện tiếp nhận, quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính, hồ sơ, tài liệu có liên quan đảm bảo phục vụ hoạt động của đơn vị mới được tiếp nối liên tục, không bị gián đoạn, đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- Rà soát, xây dựng phương án sử dụng trụ sở làm việc, trang thiết bị của các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp một cách hiệu quả.

- Chỉ đạo, các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp thực hiện các thủ tục khắc dấu; bàn giao giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu và con dấu của ĐVHC cấp xã trước sắp xếp cho cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

- Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025 nhằm cụ thể hóa chủ trương tiếp tục đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày

20/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

- Sắp xếp ĐVHC cấp xã sẽ tinh gọn tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, giảm chi ngân sách; nâng cao chất lượng, hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; Tạo không gian phát triển, tạo sự bền vững trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phát huy tốt nhất những tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương để đầu tư, nâng cấp hạ tầng giao thông, cơ sở vật chất và phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu đã đảm bảo thực hiện theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Chính phủ quan tâm, sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu; đồng thời tiếp tục có những Chương trình, Dự án hỗ trợ phát triển kinh tế các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới của tổ quốc.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025, UBND tỉnh Lai Châu kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Lương

TỈNH LAI CHÂU

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	HUYỆN THAN UYÊN	792,27		71.213					
1	Các xã	783,62		64.391					
1.1	Xã Mường Than	41,18	41,18	9.179	183,6	X			X
1.2	Xã Hua Nà	22,31	22,31	3.498	70,0	X			X
1.3	Xã Phúc Than	62,70	62,70	11.239	224,8	X			X
1.4	Xã Mường Mít	91,38	91,38	2.686	53,7	X			X
1.5	Xã Mường Cang	59,95	59,95	6.727	134,5	X			X
1.6	Xã Ta Gia	88,60	88,60	5.659	113,2	X			X
1.7	Xã Khoen On	101,18	101,18	5.018	100,4	X			
1.8	Xã Tà Mung	51,58	51,58	4.888	97,8	X			X
1.9	Xã Mường Kim	66,63	66,63	11.812	236,2	X			X
1.10	Xã Pha Mu	119,53	119,53	1.118	22,4	X			X
1.11	Xã Tà Hù	78,58	78,58	2.567	51,3	X			X
2	Thị trấn	8,65		7.879					
2.1	Thị trấn Than Uyên	8,65	8,65	7.879	157,6	X			X

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
II	HUYỆN TÂN UYÊN	897,08		63.362					
1	Các xã	826,74		48.043					
1.1	Xã Muồng Khoa	84,57	84,57	7.590	151,8	X			X
12	Xã Phúc Khoa	84,26	84,26	4.939	98,8	X			X
1.3	Xã Thân Thuộc	28,36	28,36	4.064	81,3	X			X
1.4	Xã Trung Đồng	64,70	64,70	7.571	151,4	X			X
1.5	Xã Pắc Ta	96,52	96,52	6.781	135,6	X			X
1.6	Xã Hố Mít	72,06	72,06	3.923	78,5	X			X
1.7	Xã Nậm Cắn	132,85	132,85	2.577	51,5	X			X
1.8	Xã Nậm Sỏ	158,44	158,44	9.019	180,4	X			
1.9	Xã Tà Mít	104,98	104,98	1.579	31,6	X			X
2	Thị trấn	70,34		16.203					
2.1	Thị trấn Tân Uyên	70,34	70,34	16.203	324,1	X			X
III	HUYỆN TAM ĐUỒNG	663,15		60.228					
1	Các xã	643,51		53.154					
1.1	Xã Bình Lư	43,93	43,93	5.571	111,4	X			X
1.2	Xã Nà Tăm	23,84	23,84	3942	78,8	X			X
1.3	Xã Hồ Thầu	43,55	43,55	3424	68,5	X			X
1.4	Xã Giang Ma	34,47	34,47	4315	86,3	X			X
1.5	Xã Tả Lèng	50,34	50,34	4889	97,8	X			X

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.6	Xã Bản Bo	76,98	76,98	5554	111,1	X			X
1.7	Xã Sơn Bình	110,34	110,34	5057	101,1	X			X
1.8	Xã Khun Há	95,36	95,36	6163	123,3	X			X
1.9	Xã Nùng Nàng	36,25	36,25	3497	69,9	X			X
1.10	Xã Bản Hon	53,99	53,99	2985	59,7	X			X
1.11	Xã Bản Giang	35,60	35,60	4278	85,6	X			X
1.12	Xã Thèn Sin	38,86	38,86	3479	69,6	X			X
2	Thị trấn	19,64		7.978					
2.1	Thị trấn Tam Đường	19,64	19,64	7.978	159,6	X			X
IV	TP. LAI CHÂU	96,88		50.593					
1	Các xã	78,45		11.251					
1.1	Xã Sùng Phài	54,01	54,01	5.964	119,3	X			X
1.2	Xã San Thàng	24,44	24,44	5.287	105,7	X			X
2	Các phường	18,43		39.342					
2.1	Quyết Tiến	3,42	62,18	4.762	31,7	X			X
2.2	Quyết Thắng	2,50	45,45	3.302	22,0	X			X
2.3	Đoàn Kết	2,03	36,91	7.884	52,6	X			X
2.4	Đông Phong	4,69	85,27	9.075	60,5	X			X
2.5	Tân Phong	5,79	105,27	14.319	95,5	X			X

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	HUYỆN PHONG THỎ	1.029,31		88.888					
1	Các xã	984,04		83.301					
1.1	Xã Huổi Luông	130,50	130,50	8.116	162,3	X			
1.2	Xã Ma Li Pho	55,86	55,86	3.097	61,9	X			X
1.3	Xã Khổng Lào	23,95	23,95	4.046	80,9	X			X
1.4	Xã Lân Nhì Thàng	72,35	72,35	3.491	69,8	X			X
1.5	Xã Nậm Xe	102,76	102,76	7.441	148,8	X			
1.6	Xã Mường So	35,08	35,08	6.495	129,9	X			X
1.7	Xã Hoang Thèn	63,01	63,01	4.366	87,3	X			X
1.8	Xã Bản Lang	101,15	101,15	8.512	170,2	X			
1.9	Xã Mù Sang	33,72	33,72	3.539	70,8	X			X
1.10	Xã Đào San	71,44	71,44	9.655	193,1	X			X
1.11	Xã Tung Qua Lìn	32,13	32,13	2.929	58,6	X			X
1.12	Xã Pa Vây Sừ	42,00	42,00	2.417	48,3	X			X
1.13	Xã Mồ Sỉ San	22,36	22,36	2.759	55,2	X			X
1.14	Xã Vàng Ma Chải	26,28	26,28	4.247	84,9	X			X
1.15	Xã Sỉ Lở Lầu	57,16	57,16	6.773	135,5	X			X
1.16	Xã Sin Suối Hồ	114,29	114,29	5.418	108,4	X			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Thị trấn	45,27		5.587					
2.1	Thị trấn Phong Thổ	45,27	45,27	5.587	111,7	X			X
VI	HUYỆN SÌN HỒ	1.522,45		93.113					
1	Các xã	1.511,06		88.533		0			
1.1	Xã Phăng Sô Lin	42,57	42,57	3.266	65,3	X			X
1.2	Xã Tả Phìn	42,68	42,68	3.610	72,2	X			X
1.3	Xã Sà Dề Phìn	63,04	63,04	2.556	51,1	X			X
1.4	Xã Tả Ngáo	80,82	80,82	5.515	110,3	X			X
1.5	Xã Tủa Sín Chải	100,89	100,89	6.398	128,0	X			
1.6	Xã Chấn Nưa	96,43	96,43	3.062	61,2	X			X
1.7	Xã Làng Mô	111,17	111,17	4.286	85,7	X			X
1.8	Xã Pa Tần	111,06	111,06	4.805	96,1	X			X
1.9	Xã Phìn Hồ	61,44	61,44	3.454	69,1	X			X
1.10	Xã Hồng Thu	63,28	63,28	5.525	110,5	X			X
1.11	Xã Ma Quai	53,28	53,28	4.389	87,8	X			X
1.12	Xã Lùng Thàng	75,70	75,70	3.968	79,4	X			X
1.13	Xã Nậm Tăm	105,43	105,43	4.875	97,5	X			X
1.14	Xã Pu Sam Cáp	50,45	50,45	1.864	37,3	X			X
1.15	Xã Nậm Cha	61,15	61,15	3.910	78,2	X			X
1.16	Xã Pa Khóa	42,11	42,11	2.532	50,6	X			X
1.17	Xã Noong Hẻo	59,67	59,67	7.215	144,3	X			X

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.18	Xã Nậm Mạ	30,85	30,85	1.855	37,1	X			X
1.19	Xã Cấn Co	81,88	81,88	4.649	93,0	X			X
1.20	Xã Nậm Cuối	86,97	86,97	5.123	102,5	X			X
1.21	Xã Nậm Hần	90,19	90,19	5.676	113,5	X			X
2	Thị trấn	11,39		4.580					
2.1	Thị trấn Sìn Hồ	11,39	11,39	4.580	91,6	X			X
VII	HUYỆN NẬM NHÙN	1.389,10		31.388					
1	Các xã	1.358,83		28.200					
1.1	Xã Nậm Hàng	165,29	165,29	4.744	94,9	X			X
1.2	Xã Nậm Manh	140,36	140,36	3.286	65,7	X			X
1.3	Xã Pú Dao	85,94	85,94	1.488	29,8	X			X
1.4	Xã Lê Lợi	32,68	32,68	1.575	31,5	X			X
1.5	Xã Mường Mô	202,72	202,72	3.148	63,0	X			X
1.6	Xã Nậm Chà	192,44	192,43	4.187	83,7	X			X
1.7	Xã Nậm Pì	73,31	73,31	2.985	59,7	X			X
1.8	Xã Hua Bum	260,62	260,62	2.553	51,1	X			X
1.9	Xã Nậm Ban	125,64	125,64	2.396	47,9	X			X
1.10	Xã Trung Chải	79,83	79,83	1.838	36,8	X			X
2	Thị trấn	30,27		3.188					

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.1	Thị trấn Nậm Nhùn	30,27	30,27	3.188	63,8	X			X
VIII	HUYỆN MUỜNG TÈ	2.678,48		50.971					
1	Các xã	2.665,03		45.372					
1.1	Xã Can Hồ	236,73	236,73	2.397	47,9	X			X
1.2	Xã Bum Tờ	133,89	133,89	3.715	74,3	X			X
1.3	Xã Pa Vệ Sủ	241,38	241,37	3.137	62,7	X			X
1.4	Xã Vàng San	95,10	95,10	3.144	62,9	X			X
1.5	Xã Bum Nưa	73,75	73,75	4.010	80,2	X			X
1.6	Xã Mường Tè	184,14	184,14	4.546	90,9	X			X
1.7	Xã Mù Cả	384,04	384,04	3.299	66,0	X		X	
1.8	Xã Ka Lăng	138,64	138,64	2.610	52,2	X			X
1.9	Xã Thu Lũm	112,91	112,91	2.645	52,9	X			X
1.10	Xã Pa Ủ	330,79	330,79	4.063	81,3	X			X
1.11	Xã Tá Bạ	113,79	113,79	2.021	40,4	X			X
1.12	Xã Nậm Khao	107,86	107,85	1.818	36,4	X			X
1.13	Xã Tà Tổng	512,01	512,01	7.967	159,3	X			
2	Thị trấn:	13,45		5.599					
2.1	Thị trấn Mường Tè	13,45	13,45	5.599	112,0	X			X

TỈNH LAI CHÂU

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ ĐẠT TIÊU CHUẨN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP
ĐO CÓ YẾU TỐ ĐẶC THÙ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	HUYỆN MUỜNG TÈ							
1	Xã Tà Tổng	512,01	512,01	7.967	159,3	X		
2	Xã Mù Cả	384,04	384,04	3.299	66,0	X		X

TỈNH LAI CHÂU

THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I		HUYỆN THAN UYÊN								
1	Xã Mường Kim	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Kim, Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu	3	316,32	316,3	20.385	407,7	X		
2	Xã Khoen On	Thành lập xã Khoen On trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ta Gia, Khoen On	1	189,78	189,8	10.677	213,5	X		
3	Xã Than Uyên	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Than, Hua Nà, Mường Cang, thị trấn Than Uyên	3	132,09	132,1	27.283	545,7	X		
4	Xã Mường Than	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phúc Than, Mường Mít	1	154,08	154,1	13.925	278,5	X		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
II		HUYỆN TÂN UYÊN								
1	Xã Pắc Ta	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pắc Ta, Hồ Mít	1	168,58	168,6	10.704	214,1	X		
2	Xã Nậm Sỏ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Sỏ, Tà Mít	1	263,42	263,4	10.598	212,0	X		
3	Xã Tân Uyên	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trung Đồng, Thân Thuộc, Nậm Cắn và thị trấn Tân Uyên	3	296,25	296,3	30.415	608,3	X		
4	Xã Mường Khoa	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Khoa, Phúc Khoa	1	168,82	168,8	12.529	250,6	X		
III		HUYỆN TAM ĐƯỜNG								
1	Xã Bản Bo	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bản Bo, Nà Tăm	1	100,82	100,8	9.496	189,9	X		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Xã Bình Lư	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sơn Bình, Bình Lư, thị trấn Tam Đường	2	173,91	173,9	18.606	372,1	X		
3	Xã Tả Lèng	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Giang Ma, Tả Lèng, Hồ Thầu	2	128,36	128,4	12.628	252,6	X		
4	Xã Khun Há	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bản Hon, Khun Há	1	149,35	149,4	9.148	183,0	X		
IV		TP. LAI CHÂU								
1	Phường Tân Phong	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã, phường: Tân Phong, Đông Phong, San Thàng của thành phố Lai Châu; các xã: Nùng Nàng, Bản Giang của huyện Tam Đường	4	106,76	1.941,1	36.456	243,0	X		
2	Phường Đoàn Kết	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lán Nhì Thàng của huyện Phong Thổ; các xã, phường:	3	134,31	2.442,0	25.403	169,4	X		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		Sùng Phài, Quyết Tiến, Quyết Thắng, Đoàn Kết của thành phố Lai Châu								
V		HUYỆN PHONG THỎ								
1	Xã Sin Suối Hồ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sin Suối Hồ, xã Nậm Xe của huyện Phong Thổ; xã Thèn Sin của huyện Tam Đường	2	255,91	255,9	16.338	326,8	X		
2	Xã Phong Thổ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Huổi Luông, Ma Li Pho, Mường So và thị trấn Phong Thổ	3	266,71	266,7	23.295	465,9	X		
3	Xã Sỉ Lở Lầu	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Vàng Ma Chải, Sỉ Lở Lầu, Mỏ Sỉ San, Pa Vây Sủ	3	147,80	147,8	16.196	323,9	X		
4	Xã Đào San	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Đào San, Tung Qua Lìn, Mù Sang	2	137,29	137,3	16.123	322,5	X		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Xã Khổng Lào	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Khổng Lào, Hoang Thèn, Bản Lang	2	188,12	188,1	16.924	338,5	X		
VI		HUYỆN SÌN HỒ								
1	Xã Tủa Sín Chải	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tủa Sín Chải, Làng Mồ, Tả Ngảo	2	292,88	292,9	16.199	324,0	X		
2	Xã Sìn Hồ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phăng Sô Lin, Tả Phìn, Sả Dề Phìn và thị trấn Sìn Hồ	3	159,70	159,7	14.012	280,2	X		
3	Xã Hồng Thu	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hồng Thu, Phìn Hồ, Ma Quai	2	177,99	178,0	13.368	267,4	X		
4	Xã Nậm Tăm	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Tăm, Lũng Thàng, Nậm Cha	2	242,28	242,3	12.753	255,1	X		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Xã Pu Sam Cáp	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pa Khóa, Pu Sam Cáp, Noong Hẻo	2	152,23	152,2	11.611	232,2	X		
6	Xã Nậm Cuối	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Cuối, Nậm Hăn	1	177,16	177,2	10.799	216,0	X		
7	Xã Nậm Mạ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Cấn Co, Nậm Mạ	2	112,73	112,7	6.504	130,1	X		
8	Xã Pa Tần	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Ban, Trung Chải của huyện Nậm Nhùn; xã Pa Tần của huyện Sìn Hồ	2	316,53	316,5	9.039	180,8	X		
VII		HUYỆN NẬM NHÙN								
1	Xã Lê Lợi	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Pì, Pú Dao, Lê Lợi của huyện Nậm Nhùn; xã Chấn Nưa của huyện Sìn Hồ	3	288,36	288,4	9.110	182,2	X		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Xã Nậm Hàng	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nậm Hàng, Nậm Manh, thị trấn Nậm Nhùn	2	335,92	335,92	11.218	224,4	X		
3	Xã Mường Mô	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Mô, Nậm Chà	1	395,15	395,2	7.335	146,7	X		
4	Xã Hua Bum	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hua Bum của huyện Nậm Nhùn, xã Vàng San của huyện Mường Tè	1	355,72	355,7	5.697	113,9	X		
VIII		HUYỆN MUỒNG TÈ								
1	Xã Bum Nưa	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bum Nưa, Pa Vệ Sủ	1	315,12	315,1	7.147	142,9	X		
2	Xã Bum Tở	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Can Hồ, Bum Tở, thị trấn Mường Tè	2	384,07	384,1	11.711	234,2	X		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Xã Mường Tè	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Tè, Nậm Khao	1	291,99	292	6.364	127,3	X		
4	Xã Thu Lũm	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ka Lăng, Thu Lũm của huyện Mường Tè	1	251,55	251,6	5.255	105,1	X		
5	Xã Pa Ủ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pa Ủ, Tá Bạ của huyện Mường Tè	1	444,58	444,6	6.084	121,7	X		

TỈNH LAI CHÂU**BẢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH LAI CHÂU***(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)*

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã	94	1	1	92	36	0	58
Phường	5	0	0	5	2	0	3
Thị trấn	7	0	0	7	0	0	7
Tổng	106	1	1	104	38	0	68